

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 21/01/2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Út

2/ Bà Phạm Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2024/DSST ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2302/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2403/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng K – sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số 21, ngõ 121, phố Lê Thanh Nghị, phường ĐT, Quận HBT, Thành phố Hà Nội (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Cường

Địa chỉ: 305 Lô B chung cư D2 Khu Hai Thành, Phường 7, Quận X, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà SY (Nguyễn Thị T) – sinh năm: 1945

Địa chỉ: Phòng 26.01 - A4, chung cư A, số 187A NT, xã PK, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 28/8/2024 và ngày 26/12/2024, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hồng K trình bày:

Năm 2017 ông Nguyễn Hồng K được người quen giới thiệu gặp bà SY (Nguyễn Thị T) để làm luật sư bảo vệ quyền lợi và làm người đại diện theo ủy quyền cho bà T trong vụ án kinh doanh thương mại do TAND tỉnh Lâm Đồng và vụ án dân sự do TAND tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết. Bà T lập Giấy cam kết ngày 30/10/2020 hứa trả cho ông

K số tiền 1 triệu đô la Mỹ vì đã hoàn thành 02 vụ án trên. Tuy nhiên bà T không thực hiện.

Trong quá trình làm việc cho bà T vì tin tưởng khả năng làm ăn với số tài sản còn rất lớn của bà T tại Việt Nam, ông K đã dùng căn nhà là tài sản riêng của ông tại số 357 đường Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp ngân hàng VIB vay tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng và giao lại cho bà T mượn số tiền này. Việc giao tiền chia làm 2 lần, vào ngày 01/9/2019 giao 5.000.000.000 đ có giấy biên nhận và chữ ký của bà T, lần thứ 02 ông K chuyển khoản vào tài khoản của bà T. Bà T hứa hẹn trả lãi cho ngân hàng VIB thay ông K từ ngày 01/9/2019 đến ngày 01/9/2022 tuy nhiên thực tế bà không thực hiện. Đến ngày 06/10/2022, ông K đã cùng bà T đến Văn phòng thừa phát lại Gia Định lập vi bằng về việc ký Văn bản thỏa thuận và cam kết thực hiện, trong đó bà T cam kết trả cho ông K số tiền 6.730.488.813 đ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 06/10/2022, nếu không thực hiện bà T phải chuyển giao cho ông K sở hữu 19% (trên 49%) giá trị phần vốn góp trong Công ty TNHH Mê Linh. Tuy nhiên bà T không thực hiện.

Ngày 06/8/2019 ông K còn cho bà T vay thêm 500.000.000 đồng, có giấy biên nhận. Ngày 03/9/2019 bà T có viết giấy biên nhận tiền, tổng các đợt bà T vay thể hiện trong giấy là 7.506.350.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông K cho bà T vay là 8.006.350.000 đồng - 5.000.000.000 đồng (số tiền này đã nằm trong vi bằng) = 3.006.350.000 đồng.

Ngoài ra ông K còn cho bà T mượn tiền bằng hình thức chuyển khoản từ 02 tài khoản của ông là 1.381.845.500 đồng (từ số tài khoản 19023785692013 Ngân hàng Techcombank) + 3.009.000.000 đồng (từ số tài khoản 19023785692021 Ngân hàng Techcombank). Tổng cộng là 4.390.845.500 đồng.

Trong thời gian Covid, ông K có gửi cho bà Nguyễn Thị Tuyết Mai (con gái bà T) 01 container khẩu trang từ Việt Nam sang Mỹ trị giá 1.380.000.000 đồng. Bà Mai đã nhận đủ hàng và còn thiếu ông K 750.000.000 đồng tiền hàng. Bà T cam kết nếu bà Mai không trả thì bà T sẽ trả tiền hàng còn thiếu còn lại.

Do đó tổng số tiền ông K yêu cầu bà T phải trả theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2024 là 31.735.729.451 đồng.

Ngày 25/06/2024, ông K có Đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy bỏ một nội dung trong vi bằng số 838/2022/VB-VPTPL lập ngày 06/10/2022. Cụ thể ông K yêu cầu hủy bỏ nội dung thỏa thuận về thời gian trả nợ vì lý do ông bị lừa dối khi lập thỏa thuận này.

Ngày 28/8/2024, ông K có Đơn xin rút một phần yêu cầu đòi tiền trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2024 đối với số tiền 750.000.000 đồng tiền hàng (khẩu trang) mà bà Nguyễn Thị Tuyết Mai (con gái bà T) còn thiếu, lý do bà Mai là người trả nợ chứ không phải bà T.

Ngày 26/12/2024 ông K tiếp tục có đơn rút yêu cầu đòi tiền trong hoạt động dịch vụ pháp lý (17.741.500.000 đ) và rút các yêu cầu đòi tiền, cụ thể như sau:

Ngày 07/3/2020: số tiền chuyển khoản 200.000.000 đ

Ngày 06/10/2022: số tiền chuyển khoản 362.250.000 đ

Ngày 06/10/2022: số tiền chuyển khoản 7.245.000 đ

Ngày 25/6/2021: số tiền chuyển khoản 100.000.000 đ

Ngày 13/7/2021: số tiền chuyển khoản 100.000.000 đ

Ngày 12/10/2021: số tiền chuyển khoản 150.000.000 đ

Tổng số tiền ông K yêu cầu bà T phải trả là 10.677.700.000 đồng (*mười tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

Bị đơn – Bà SY (Nguyễn Thị T):

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, bà T làm Giấy ủy quyền cho ông Cao Thanh Tuyên tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền. Ông Cao Thanh Tuyên đã đề nghị Tòa án được sao chụp toàn bộ hồ sơ khởi kiện, tuy nhiên sau đó ông Cao Thanh Tuyên hủy Giấy ủy quyền và không tham gia tố tụng nữa. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà SY (Nguyễn Thị T) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và không phản hồi ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Khởi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền từ hoạt động dịch vụ pháp lý, hợp đồng cho vay cá nhân ngày 01/9/2021 và đòi số tiền cho mượn thể hiện trên ủy nhiệm chi tại Ngân hàng, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng dịch vụ pháp lý và đòi tài sản theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn hiện cư trú tại huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

Về sự tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Do trong quá trình thụ lý giải quyết vụ việc Tòa án không tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ và vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè không tham gia phiên tòa.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu đối với hợp đồng dịch vụ pháp lý (phí luật sư), hợp đồng mua bán khẩu trang và các hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

Đối với yêu cầu đòi số tiền 10.677.700.000 đồng:

Nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng cứ là bản chính Giấy ký nhận vay tiền ngày 06/8/2018 (số tiền 500.000.000 đ), Giấy biên nhận nhận tiền ngày 03/9/2019 (số tiền 7.506.350.000 đ), sao kê tài khoản Ngân hàng Techcombank từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2023 trong đó thể hiện tổng số tiền ông K đã chuyển cho bà T là 12.397.195.500 đ. Xét nội dung các khoản tiền ông K giao bà T không thể hiện ngày trả nợ và lãi suất vay nên được xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi

suất. Trước khi khởi kiện ông K đã gửi Thông báo đòi tiền cho bà T tại nơi bà T đang cư trú là đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Các tài liệu chứng cứ mà ông K cung cấp đã được Tòa án mở phiên họp xét việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do và không có văn bản phản hồi. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về kết quả phiên họp xét chứng cứ cho bà T biết nhưng bà T cũng không có ý kiến và vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy có cơ sở xác định bà T đã mượn ông K tổng số tiền là 12.397.195.500 đ.

Do ông K tự nguyện cản trừ một số khoản tiền cho bà T mượn và không yêu cầu tính lãi nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền còn lại là 10.677.700.000 đồng đồng.

Về phương thức trả: Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 166, 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà SY (Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng K số tiền 10.677.700.000 đồng (*mười tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng*) theo Giấy ký nhận vay tiền ngày 06/8/2018, Giấy biên nhận nhận tiền ngày 03/9/2019, các khoản nhận tiền thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng Techcombank từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Hồng K có đơn yêu cầu thi hành án mà bà SY (Nguyễn Thị T) chậm trả cho ông Nguyễn Hồng K số tiền nêu trên thì bà SY (Nguyễn Thị T) phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Đình chỉ yêu cầu đòi tiền của ông Nguyễn Hồng K đối với bà SY (Nguyễn Thị T) về hoạt động dịch vụ pháp lý theo Giấy cam kết ngày 30/10/2020, yêu cầu đòi tiền đối với giao dịch mua bán khẩu trang theo Giấy biên nhận ngày 31/5/2022 và yêu cầu đòi tiền trong các giao dịch chuyển tiền ngày 07/3/2020, 06/10/2022, 06/10/2022, 25/6/2021, 13/7/2021 và ngày 12/10/2021.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà SY (Nguyễn Thị T) phải chịu án phí là 118.677.700 đ (*một trăm mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm đồng*), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Hồng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018044 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông K được miễn nộp tạm ứng án phí theo đơn ngày 28/5/2024 do thuộc trường hợp người cao tuổi).

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền